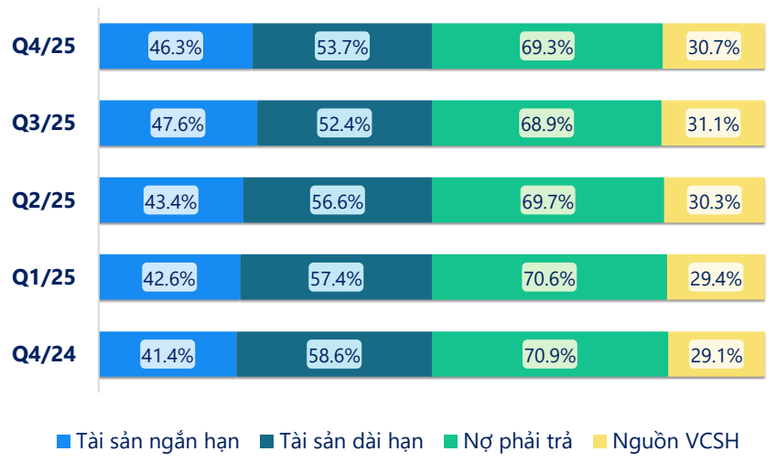
FireAnt

CTCP Thống Nhất (HNX: BAX)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	34,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	38,557
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	32,272
SL cổ phiếu LH	8,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	485
% sở hữu nước ngoài	16.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	279
P/E	7.8
EPS	4,369

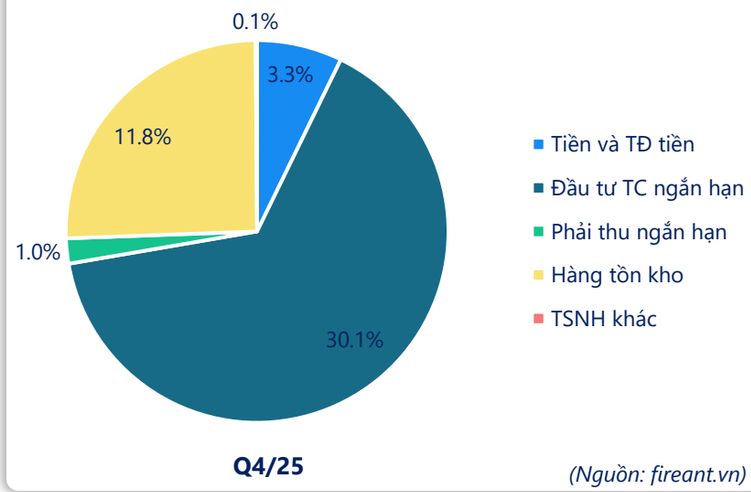
	YTD	1T	3T	6T
BAX	-11.2%	-2.6%	-0.5%	2.6%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



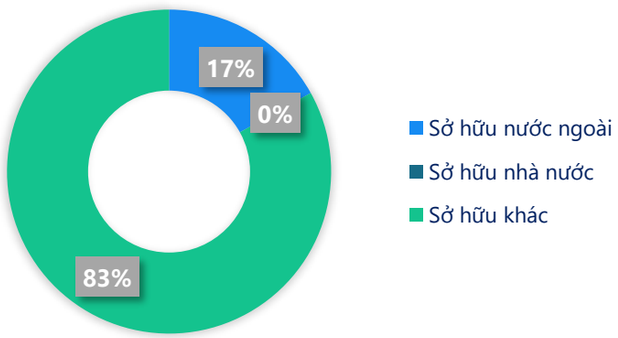
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



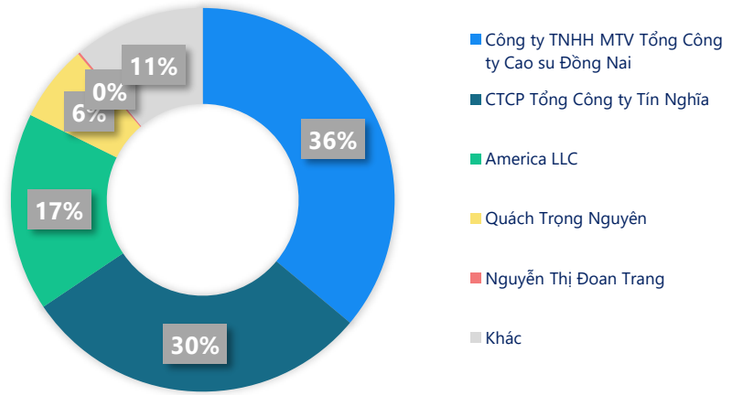
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



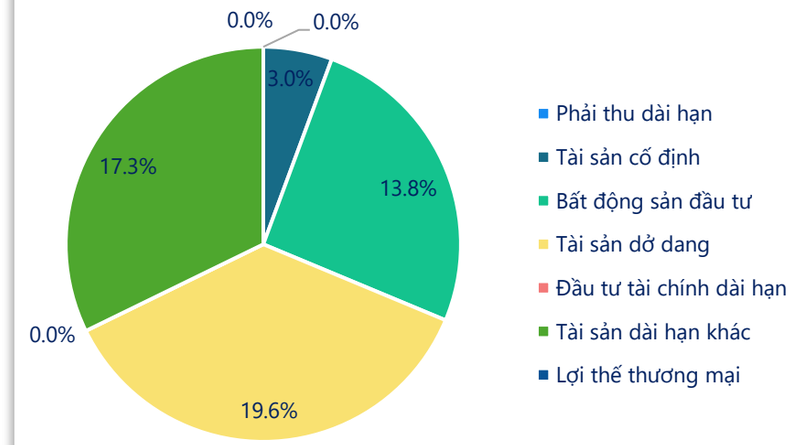
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

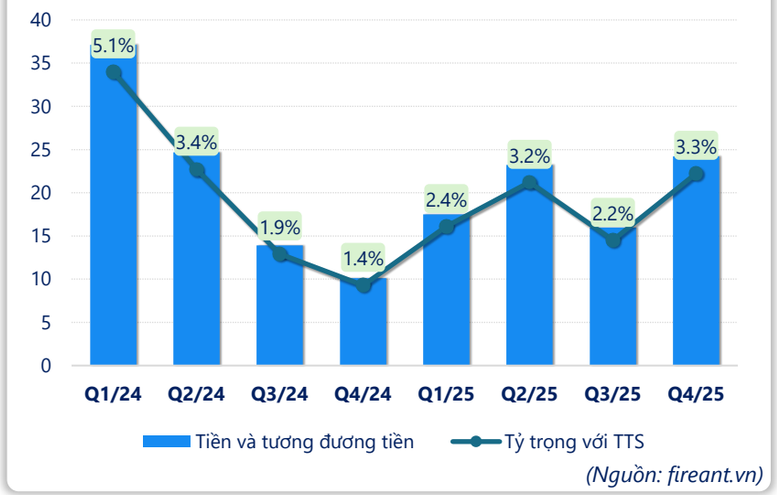


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

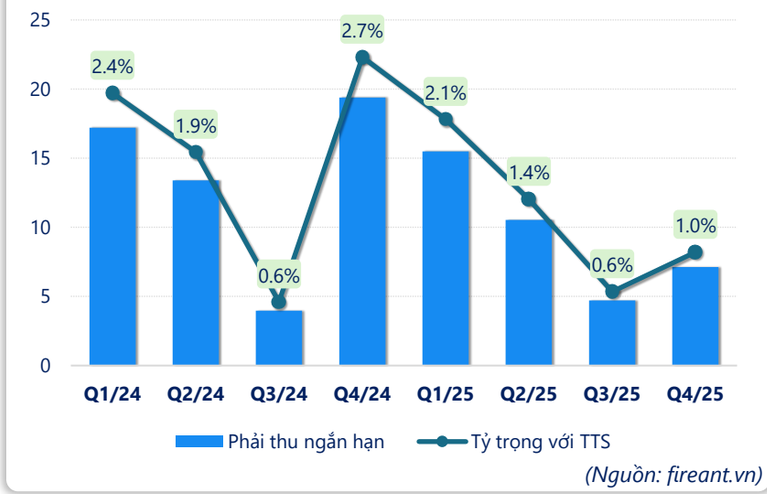
CTCP Thống Nhất (HNX: BAX)

Tiền và tương đương tiền



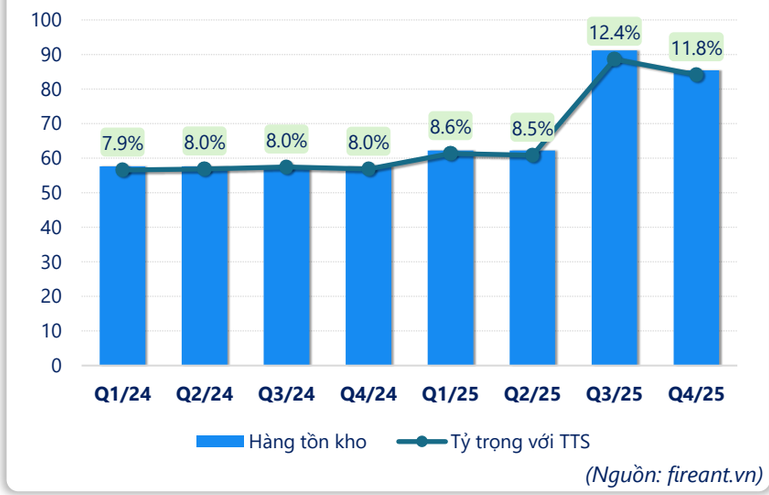
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



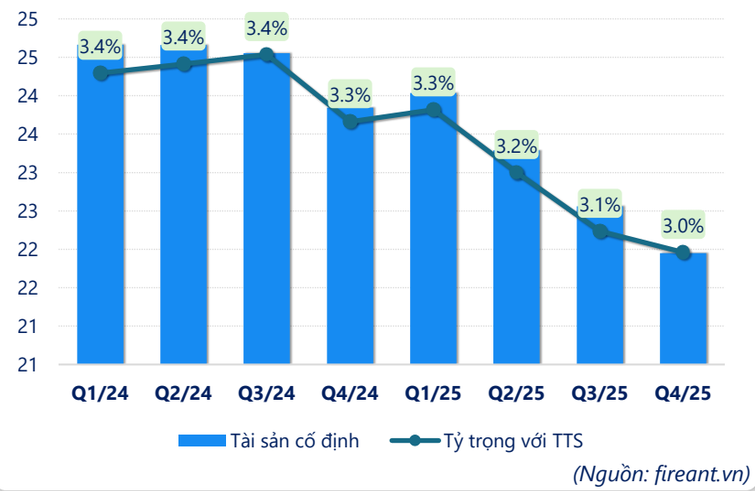
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



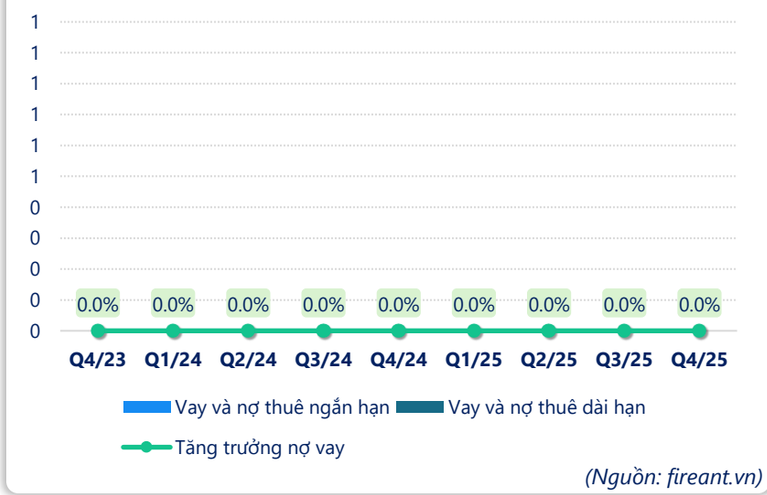
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



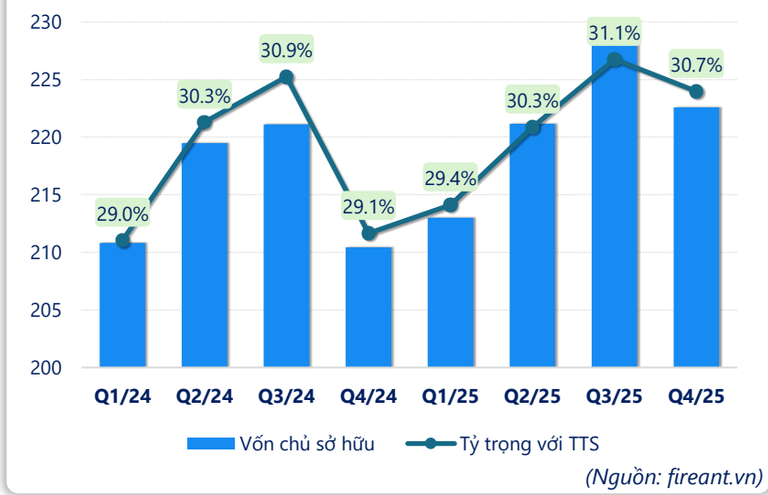
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

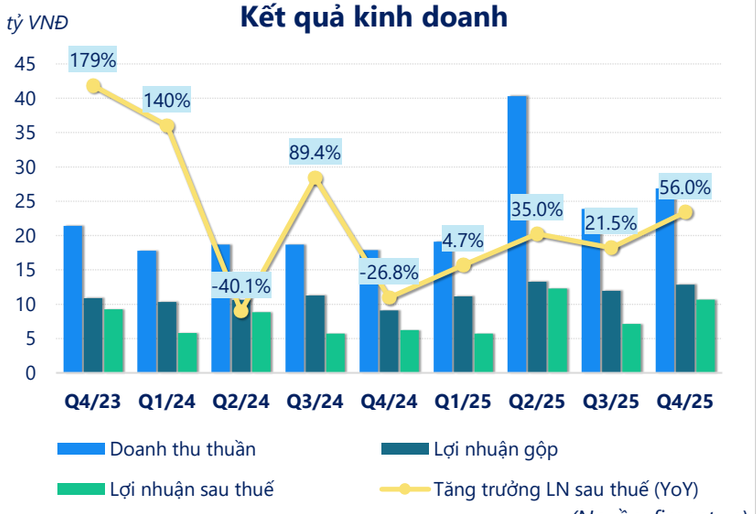


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

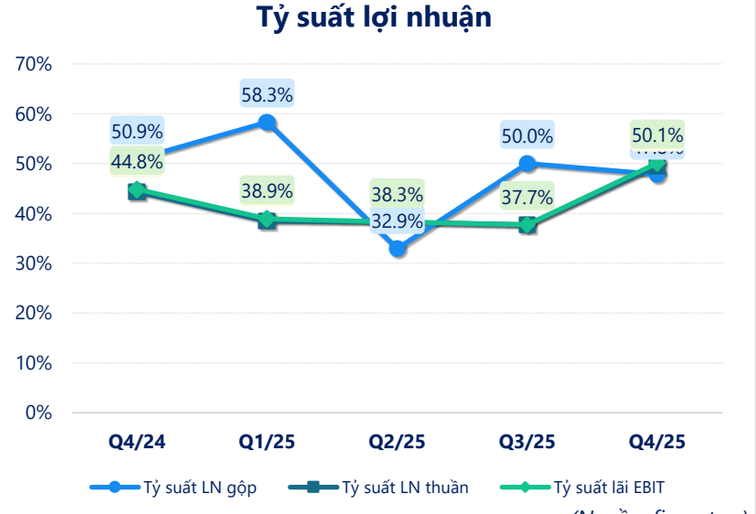
CTCP Thống Nhất (HNX: BAX)

Kết quả kinh doanh



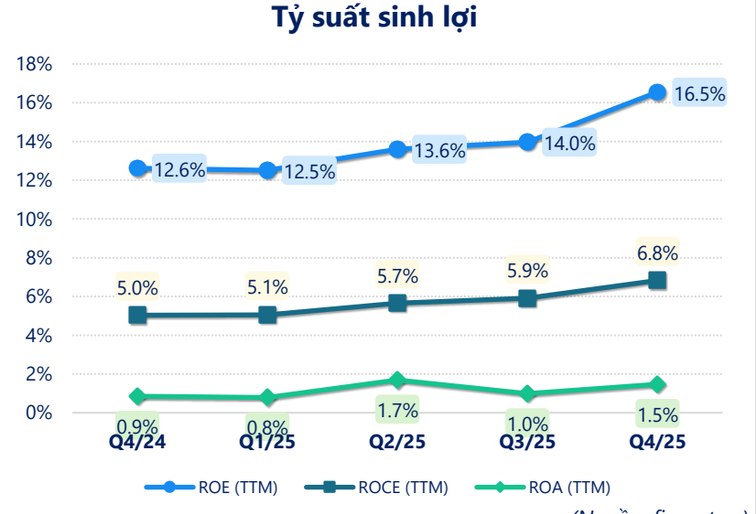
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



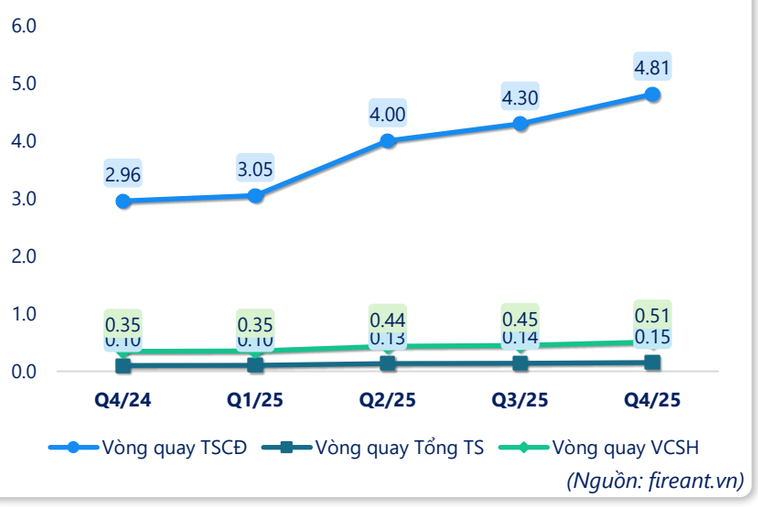
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



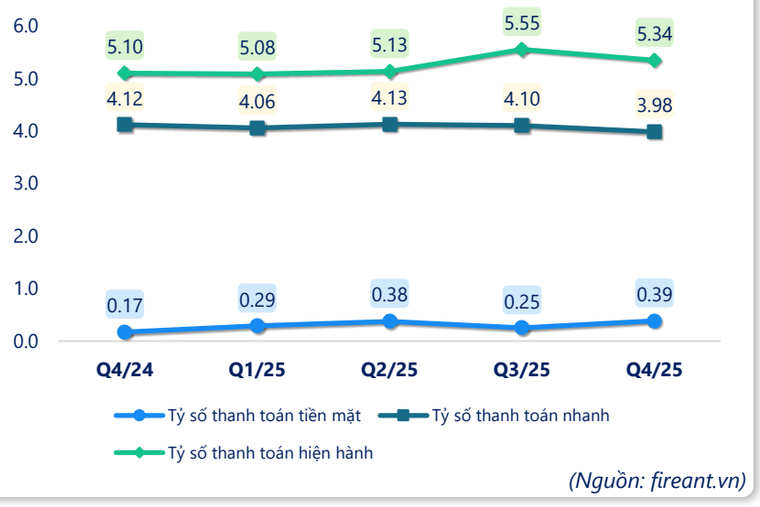
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



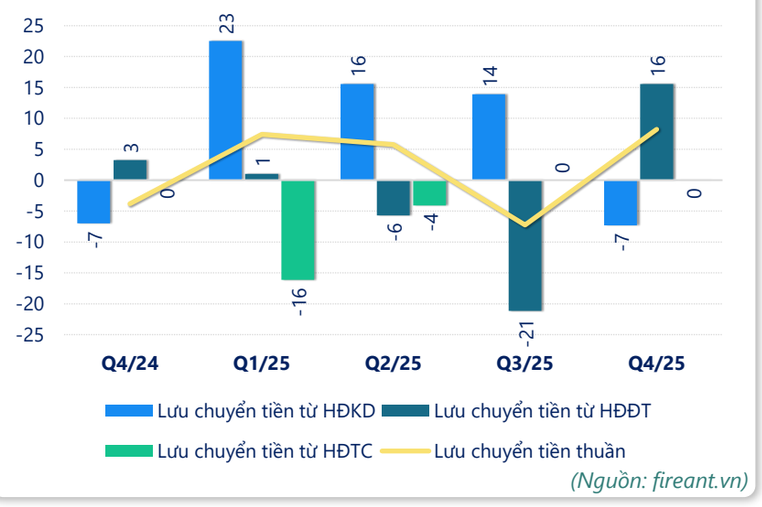
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Thống Nhất (HNX: BAX)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**725**	**724**	**0.1%**
Tài sản ngắn hạn	336	300	11.8%
Tiền và tương đương tiền	24.2	10.1	140%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	218	211	3.3%
Phải thu ngắn hạn	7.13	19.4	-63.2%
Hàng tồn kho	85.4	57.6	48.3%
Tài sản ngắn hạn khác	0.41	1.67	-75.5%
Tài sản dài hạn	**390**	**424**	**-8.2%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	22.0	23.8	-7.9%
Bất động sản đầu tư	99.9	114	-12.3%
Tài sản dở dang	142	158	-10.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**126**	**128**	**-2.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	503	514	-2.2%
Nợ ngắn hạn	**62.8**	**58.9**	**6.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	4.16	7.08	-41.3%
Nợ dài hạn	440	455	-3.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**223**	**210**	**5.8%**
Vốn chủ sở hữu	**223**	**210**	**5.8%**
Vốn điều lệ	82.0	82.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	17.9	19.1	40.3	23.9	26.9
Giá vốn hàng bán	8.78	7.97	27.0	11.9	14.0
Lợi nhuận gộp	9.10	11.2	13.3	12.0	12.9
Doanh thu HĐTC	5.33	0.66	5.53	0.62	6.54
Chi phí TC	0	0.01	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0.01	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	6.51	4.46	3.38	3.56	6.10
LN thuần từ HĐKD	7.92	7.35	15.4	9.01	13.3
Lợi nhuận khác	0.10	0.08	0	0	0.17
LN trước thuế	8.02	7.43	15.4	9.01	13.5
Lợi nhuận sau thuế	6.23	5.73	12.3	7.14	10.7
LNST của CĐ cty mẹ	6.23	5.73	12.3	7.14	10.7

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-7.01	22.5	15.6	13.9	-7.31
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	3.27	1.01	-5.73	-21.2	15.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.06	-16.1	-4.10	0	-0.02
Tiền đầu kỳ	13.9	10.1	17.5	23.2	16.0
Lưu chuyển tiền thuần	**-3.80**	**7.40**	**5.74**	**-7.26**	**8.22**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	10.1	17.5	23.2	16.0	24.2

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic